

Số: 909/TB - TTYT

Chợ Đồn, ngày 18 tháng 12 năm 2025

## THÔNG BÁO

### Mời báo giá mua vật tư y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Chợ Đồn

Kính gửi: Các đơn vị sản xuất, nhà cung cấp vật tư y tế tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế Chợ Đồn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua vật tư y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Chợ Đồn” với nội dung cụ thể như sau:

#### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

**1. Đơn vị yêu cầu báo giá:** Trung tâm Y tế Chợ Đồn

Địa chỉ: Thôn 1, xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên

**2. Thông tin tiếp nhận báo giá:**

Địa chỉ: Phòng văn thư, Trung tâm Y tế Chợ Đồn, Thôn 1, xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên.

**3. Cách thức tiếp nhận báo giá:** Đơn vị tiếp nhận báo giá theo cách thức sau: Nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại địa chỉ:

Phòng văn thư, Trung tâm Y tế Chợ Đồn, Thôn 1, xã Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên.

**4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:** Từ ngày 18 tháng 12 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 28 tháng 12 năm 2025.

**5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:** Tối thiểu 90 ngày

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

#### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thuốc yêu cầu báo giá gồm:

Danh mục vật tư phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Chợ Đồn

(Có Phụ lục 1 kèm theo).

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Trung tâm Y tế Chợ Đồn

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý IV/2025 và Quý I/2026

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Thanh toán theo tiến độ giao hàng.

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán ngay khi bên mời thầu nhận được đầy đủ

chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật.

5. Các thông tin khác:

5.1. Nhà cung cấp cung cấp thông tin chính xác, rõ ràng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã cung cấp.

5.2. Báo giá theo đúng mẫu: Mẫu báo giá tại Phụ lục 02 kèm theo.

Trung tâm Y tế Chợ Đồn đề nghị nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm thực hiện cung cấp gói thầu như trên gửi báo giá theo những nội dung tại phụ lục kèm theo.

**Nơi nhận:**

*Gửi bản điện tử:*

- Như trên;
- BGĐ (B/C);
- KD - TTB - VTYT;
- Phòng HC - TH (P/H)
- Phòng KH-NV

*Gửi bản giấy:*

- Lưu: VT, KD- TTB-VTYT.



**Nông Văn Quân**



## DANH MỤC PHỤ LỤC MUA SẴM

Kèm theo Thông báo số 909/TB-TTYT ngày 18/12/2025 của Trung tâm Y tế Chợ Đồn, tỉnh Thái Nguyên

| STT  | Tên hàng hoá                | Thông số kĩ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kĩ thuật   | Đơn vị tính | Số lượng |
|--|-----------------------------|---|-------------|----------|
| <b>Phần I: Vật tư, thiết bị y tế sử dụng chung</b> |                             |   |             |          |
| 1  | Băng bột bó 10cm x 2,7m     | Làm từ bột thạch cao liền gạc (thạch cao $\geq 97\%$ , gạc 100% cotton). Trọng lượng thạch cao 400g/m <sup>2</sup> -420g/m <sup>2</sup> , trọng lượng gạc 28g/m <sup>2</sup> -29g/m <sup>2</sup> . Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng 10 cm, chiều dài 270cm.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 6794:2001. Xuất xứ: Việt Nam.  | Cuộn        | 150      |
| 2  | Băng bột bó 15cm x 2,7m     | Làm từ bột thạch cao liền gạc (thạch cao $\geq 97\%$ , gạc 100% cotton). Trọng lượng thạch cao 400g/m <sup>2</sup> -420g/m <sup>2</sup> , trọng lượng gạc 28g/m <sup>2</sup> -29g/m <sup>2</sup> . Vỏ là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột. Bột đảm bảo độ cứng, độ trắng, độ mịn. Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng 15 cm, chiều dài 270cm.<br>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 6794:2001. Xuất xứ: Việt Nam.  | Cuộn        | 150      |
| 3  | Bộ dụng cụ đặt nội khí quản | Cán đèn:<br>Cán pin trung, bề mặt được mạ crom chất lượng cao, có rãnh để vệ sinh và giúp cầm chắc<br>Thay bóng nhanh và dễ dàng<br>Có thể tiệt trùng ở 134°C (không có bóng đèn và pin)<br>Cán sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 7376 (green standard)<br>Lưới đèn:<br>Lưới đèn với sợi quang tích hợp bên trong<br>Kết cấu kim loại chất lượng cao, thời gian sử dụng lâu dài<br>Không bám bụi – dễ lau chùi<br>Không cần bảo dưỡng<br>8.000 sợi quang để cho nguồn sáng và tuổi thọ tối ưu<br>Phát xạ ánh sáng tối ưu cho tiết diện lớn nhất có thể (3 x 7mm)<br>Độ sáng khoảng 6.500 Lux với nguồn Xenon 2.5V<br>Độ sáng khoảng 11.000 Lux với nguồn LED 2.5V<br>Độ sáng khoảng 14.000 Lux với nguồn LED 3.7V<br>Có thể tiệt trùng ở 134°C – khoảng 4.000 lần E1.316.012 2.5 V Xenon (small) | Bộ          | 1        |
| 4  | Bông y tế                   | Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị toi và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dải, được cuộn thành cuộn chắc, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng.<br>Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước $\leq 5$ giây. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Các chất tan trong nước: $\leq 0,5\%$ ; Độ ẩm: $\leq 8\%$ ; Kích thước: 1kg/ gói. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA ; CE.   | Kg          | 24       |

| STT | Tên hàng hoá                    | Thông số kĩ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kĩ thuật   | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------------------|---|-------------|----------|
| 5   | Bơm cho ăn 50ml                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh có dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa.</li> <li>- Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.</li> <li>- Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA do cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ (FDA) công bố</li> <li>Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)</li> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> </ul>   | Cái         | 25       |
| 6   | Bơm tiêm MPV sử dụng 1 lần 10ml | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất <math>\leq 0,2</math>ml</li> <li>- Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)</li> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> </ul> | Cái         | 24.000   |
| 7   | Bơm tiêm MPV sử dụng 1 lần 20ml | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)</li> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> </ul>   | Cái         | 12.000   |
| 8   | Dây thở oxy người lớn, TE       | Chất liệu 100% PVC y tế. Thiết kế qua tai mang lại cảm giác thoải mái và an toàn.   | Hộp 100 ca  | 200      |
| 9   | Dây truyền dịch                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>Kim chai bằng nhựa có nắp. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí</li> <li>Chiều dài dây 155cm Đường kính ống bên ngoài <math>\geq 3,8</math>mm và độ dày từ 0,45mm đến 0,55mm, làm bằng PVC.</li> <li>Dung tích buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch kích thước 15 micromet,</li> <li>Dòng chảy đều đặn với kẹp con lăn.</li> <li>Đầu nối : khóa ren với kim 22G x1 1/4</li> <li>Khử trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt chỉ sử dụng một lần.</li> </ul>   | Bộ          | 2.500    |

| STT | Tên hàng hoá                             | Thông số kĩ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kĩ thuật   | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--|---|-------------|----------|
| 10  | Viên khử khuẩn phổ rộng mức độ cao       | Dạng viên nén, Sodium dichloroisocyanurate 50%w/w (trọng lượng 2,5g Sodium dichloroisocyanurate/ viên 5gam). Phổ kháng khuẩn rộng.  | Viên        | 4.000    |
| 11  | Dung dịch sát khuẩn da                   | Thành phần: Povidone iodine 10% (kl/tt) . Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100%. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485   | Chai        | 240      |
| 12  | Đè lưới Inox                             | Chất liệu Inox  | Cái         | 50       |
| 13  | Gạc hút y tế khổ 0,8m                    | Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước: 12,3gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước: 0,105%. Độ ẩm: 4,62%. Tro sulfate: 0,05% Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không phát hiện. Hàm lượng chất béo: 0,032%. Độ trắng: 84.3%. Có kiểm nghiệm của trung tâm kiểm nghiệm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA ; CE.   | Mét         | 5.000    |
| 14  | Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 12 lớp VT   | Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước: 12,3gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước: 0,105%. Độ ẩm: 4,62%. Tro sulfate: 0,05% Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không phát hiện. Hàm lượng chất béo: 0,032%. Độ trắng: 84.3%. Có kiểm nghiệm của trung tâm kiểm nghiệm. Kích thước: 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA ; CE. | Miếng       | 7.500    |
| 15  | Găng tay phẫu thuật tiệt trùng số 6,5    | Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Dày trung bình 0,15÷0,20mm, Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 71/2: 95±5mm. Cường lực khi đứt trước lão hóa: min 12,5N, sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt trước lão hóa: min 700%, sau lão hóa: min 550%. Lượng bột: 8,6mg/dm <sup>2</sup> . Lượng protein: max 200µg/dm <sup>2</sup> , mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO. TCVN 6344 (ISO 10282:2014). ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.  | Đôi         | 1.200    |
| 16  | Giấy điện tim 3 cần                      | Kích thước: 63mm x 100mm x 300 tờ   | Cuộn        | 30       |
| 17  | Giấy điện tim                            | Kích thước: 80mm x 20m x 16mm   | Xấp         | 100      |
| 18  | Hộp inox chữ nhật có nắp đậy đồ vô khuẩn | Chất liệu inox, có nắp, kích thước 10 x 22cm  | Cái         | 5        |
| 19  | Kéo thẳng nhọn                           | Chất liệu thép y tế không gỉ, kích thước ≥ 16cm   | Cái         | 10       |
| 20  | Kéo thẳng tù                             | Chất liệu thép y tế không gỉ, kích thước ≥ 16cm   |             | 5        |
| 21  | Kéo cong nhọn                            | Chất liệu thép y tế không gỉ, kích thước ≥ 16cm   |             | 5        |
| 22  | Kéo cong tù                              | Chất liệu thép y tế không gỉ, kích thước ≥ 16cm   |             | 5        |
| 23  | Kẹp rôn MPV                              | Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014<br>Xuất xứ: Việt Nam  | Cái         | 200      |



| STT | Tên hàng hoá                        | Thông số kĩ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kĩ thuật  | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------|--|-------------|----------|
| 24  | Kim gây tê, gây mê các loại, các cỡ | Mũi kim dạng quincke cho phép thâm nhập dễ dàng, cho phép thâm nhập dễ dàng. Đốc kim trong suốt có phản quang dễ dàng quan sát thấy dịch chảy ra, có đánh dấu mặt vát hướng lên hướng xuống. Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. Size / Ext. Dia. x Length mm: 18G 1,27 x 89, 20G 0,9 x 89, 22G 0,7 x 89, 25G 0,5 x 89 ,27G 0,4 x 89. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016  | Cái         | 200      |
| 25  | Kim luồn tĩnh mạch an toàn 22G, 24G | Kim luồn tĩnh mạch chất liệu FEP các cỡ từ G14-G24. Kim có cánh có cửa tiêm thuốc. Đầu bảo vệ an toàn chất liệu (PA,PC,PSF) với cơ chế an toàn thụ động. Đầu bịt an toàn chứa 2 lưỡi uốn cong đối diện nhau, tự động bắt chéo che đầu nhọn kim sau khi rút kim, đồng thời vét và giữ chất lỏng trong thân đầu bịt tránh dây ra ngoài. Có 3 vạch cân quang ở trong lòng catheter. Mũi kim vát mặt sau siêu bén, catheter không chứa DEHP, Latex. Có khả năng lưu kim được đến 96h. Tương thích với tiêm truyền áp lực cao tối đa lên đến 325psi. Được tiệt trùng bằng EO. Thân catheter không chứa kim loại, sử dụng được trong phòng MRI. Có tấm lọc xốp ở chuỗi kim. Các cỡ với các màu khác nhau:<br>14G x 1-3/4" (O.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min): Màu cam;<br>16G x 1-3/4" (O.D: 1.75 x 45 mm, 225ml/min): màu xám;<br>18G x 1-3/4" (O.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min): màu xanh lá cây;<br>20G x 1- 1/4" (O.D: 1,0 x 32 mm, 59ml/min): màu hồng;<br>22G x 1" (O.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min): màu xanh nhạt;<br>24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng.<br>Đạt tiêu chuẩn MDSAP ISO 13485, EU (MDR). Xuất xứ sản phẩm G7. | Cái         | 0        |
| 26  | Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa chính, 4 đường cân quang</li> <li>• Catheter FEP kháng xoắn, chắn bức xạ đặc biệt, dễ truyền với lưu lượng tối ưu, sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim lên đến 96 giờ</li> <li>• Cánh linh hoạt giúp cố định dễ dàng và an toàn</li> <li>• Kim: 3 mặt vát, làm từ thép không gỉ, sắc bén, phủ 1 lớp silicon</li> <li>• Nắp bảo vệ kim: ống hình trụ, làm từ nhựa polypropylene</li> <li>• Mặt cắt backcut giúp tiếp cận tĩnh mạch trơn tru, nhẹ nhàng.</li> <li>• Trim Length, khoảng cách từ đầu kim luồn đến đầu mặt vát: 0mm ~ 1mm (ISO 10555). TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu</li> <li>• Thông số kĩ thuật: Size kim - lưu lượng chảy</li> </ul>   | Cái         | 1.200    |
| 27  | Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa  | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa chính, 4 đường cân quang</li> <li>• Catheter FEP kháng xoắn, chắn bức xạ đặc biệt, dễ truyền với lưu lượng tối ưu, sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim lên đến 96 giờ</li> <li>• Cánh linh hoạt giúp cố định dễ dàng và an toàn</li> <li>• Kim: 3 mặt vát, làm từ thép không gỉ, sắc bén, phủ 1 lớp silicon</li> <li>• Nắp bảo vệ kim: ống hình trụ, làm từ nhựa polypropylene</li> <li>• Mặt cắt backcut giúp tiếp cận tĩnh mạch trơn tru, nhẹ nhàng.</li> <li>• Trim Length, khoảng cách từ đầu kim luồn đến đầu mặt vát: 0mm ~ 1mm (ISO 10555)</li> <li>• Sử dụng 1 lần</li> <li>• Tiệt trùng khí EO.</li> <li>TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu</li> <li>• Thông số kĩ thuật: Size kim - lưu lượng chảy<br/>10707- 24G- 0.7x19mm - 23ml/min</li> </ul>  | Cái         | 1.500    |
| 28  | Khẩu trang y tế 4 lớp               | Khẩu trang tế gồm 4 lớp. Màu sắc đồng đều, không loang bấn. Hiệu suất lọc sương dầu đối với kích thước hạt 3µm: >=98%<br>Hiệu suất vi khuẩn: > 98% .<br>- Khẩu trang y tế được sử dụng 1 lần   | Cái         | 2.000    |

| STT | Tên hàng hoá                                | Thông số kĩ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kĩ thuật  | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|--|-------------|----------|
| 29  | Lưỡi dao mổ                                 | Lưỡi dao được làm từ thép không gỉ. Mỗi lưỡi dao được đóng bằng chất liệu giấy bạc, phương pháp tiệt trùng bằng Bức xạ gamma.  | Cái         | 1.500    |
| 30  | Dung dịch khử khuẩn trang thiết bị y tế     | Thành phần: 2% Glutaraldehyde không cần hoạt hóa, pH=6<br>Khử khuẩn mức độ cao: 10 phút.<br>Đạt tiêu chuẩn EN 14561, EN 14562, EN 14563, EN 17111<br>Tái sử dụng trong 30 ngày (tặng kèm test thử).  | Can         | 24       |
| 31  | Mũ phẫu thuật vô trùng                      | Vải không dệt polypropylen cao cấp Màu xanh đồng đều, không loang bần, ko dính tạp chất. Không kích ứng da 2.9g – 3.8g/ 1cái.<br>Quy cách: 1 cái/ gói, 100 cái/ bịch Độ co giãn tốt. Tiệt trùng bằng khí EO. Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485;  | Cái         | 2.000    |
| 32  | Nhiệt kế điện tử đo trán                    | Dải đo trán 32-42.9 °C<br>Độ chính xác: ±≤0.2 °C<br>Khoảng cách đo: 3-5cm<br>Bộ nhớ lưu trữ: 32 kết quả gần nhất<br>Trọng lượng: 105g (không pin)  | Cái         | 2        |
| 33  | Nhiệt kế thủy ngân                          | Thành phần gồm: 97-98% thủy tinh; 1-2% thủy ngân; <1% bạc.<br>Nhiệt kế có thể cho kết quả trong vòng 60s.  | Cái         | 240      |
| 34  | Ống nghiệm EDTA-K2 nắp cao su               | Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp cao su bọc nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống, Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA) được phun dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 12x75mm, Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định với nồng độ muối EDTA phải ở trong khoảng từ 1,2 mg đến 2mg EDTA khan trên 1ml máu, và chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút, Nhấn màu xanh dương. | Cái         | 14.400   |
| 35  | Ống nghiệm Citrat                           | Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET mới 100%, Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Natri citrate 3.2%, Kích thước ống 13x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhấn màu xanh dương. Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định.   | Cái         | 5.000    |
| 36  | Ống nghiệm Heparin Lithium                  | Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhấn màu đen, có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định. Có chứng nhận CE (đạt chuẩn IVDR).   | Cái         | 14.400   |
| 37  | Ống nghiệm nắp đờ không chống đông          | Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước 12 - 13x75mm, nắp đờ, có nhãn, mới 100%  | Cái         | 3.000    |
| 38  | Ống nghiệm thủy tinh                        | Lọ mẫu nước tiểu bằng nhựa PP tinh khiết 100%, dung tích 60ml, Nắp màu đỏ. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong,   | Cái         | 1.000    |
| 39  | Ống Sample cup 2,5ml (Cốc đựng mẫu Hitachi) | Chất liệu nhựa PS, kích thước 16*38mm, 2.5-3ml.  | Cái         | 100      |

| STT | Tên hàng hoá                                | Thông số kĩ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kĩ thuật  | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---|--|-------------|----------|
| 40  | Sond Foley thông tiểu 2 Nòng các số, các cỡ | <p>Không chứa DEHP gây ung thư.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất từ 100% cao su tự nhiên ,Phủ Silicon</li> <li>- Có bóng dung tích 5cc-30cc, bóng căng đều.</li> <li>- Lỗ thông tiểu lớn và trơn</li> <li>- Tráng silicon trong lòng ống</li> <li>- Tiệt trùng bằng phóng xạ Gamma hoặc khí Eo</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO13485, CE,FSC</li> </ul>  | Cái         | 200      |
| 41  | Ống thông dạ dày MPV                        | <p>Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)<br/>Xuất xứ: Việt Nam</p>   | Cái         | 30       |
| 42  | Panh thẳng CM+KM 16cm đến 20cm              | Chất liệu thép y tế không gỉ, kích thước $\geq 20$ cm  | Cái         | 30       |
| 43  | Túi đựng nước tiểu                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại.</li> <li>- Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiếu niệu.</li> <li>- Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC.</li> <li>- Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</li> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn EDA do cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc</li> </ul> | Cái         | 300      |
| 44  | Urgosyval 5cm x 5m                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải lụa Taffeta trắng, dệt bằng sợi cellulose acetate nhập khẩu từ các nước G7. Số sợi 44x19,5 sợi/cm.</li> <li>- Keo gồm 7 thành phần hỗn hợp nóng chảy: Zinc oxide, Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP.</li> <li>- Tiêu chuẩn CE - EU; ISO 13485.</li> <li>- Xuất xứ: Đông Nam Á</li> <li>- Kích thước: 5cm x 5m</li> </ul>  | Cuộn        | 210      |
| 45  | Bơm Karmal 1 van                            | <p>Thể tích 60ml<br/>Áp suất hút chân không 610-660mm<br/>Đóng gói riêng lẻ và dùng một lần</p>  | Cái         | 1        |
| 46  | Ống hút thai cho bơm 1 van                  | Các số 4,5,6   | Cái         | 30       |
| 47  | Kéo cắt tầng sinh môn                       | Chất liệu thép không gỉ. Kích thước: $\geq 22$ cm  | Cái         | 5        |
| 48  | Kéo cắt chi 11cm                            | Chất liệu thép y tế không gỉ, kích thước $\geq 11$ cm  | Cái         | 10       |
| 49  | Kìm mang kim 18 cm                          | <p>Kích thước: <math>\geq 18</math>cm<br/>Chất liệu thép không gỉ.</p>   | Cái         | 5        |
| 50  | Panh cong không máu 16cm                    | <p>Kích thước: <math>\geq 16</math>cm<br/>Chất liệu thép không gỉ.</p>   | Cái         | 10       |

| STT  | Tên hàng hoá                                    | Thông số kĩ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kĩ thuật   | Đơn vị tính | Số lượng |
|--|---|---|-------------|----------|
| 51   | Kẹp Phẫu tích có mẫu 16cm                       | Kích thước: $\geq 16$ cm<br>Chất liệu thép không gỉ.  | Cái         | 10       |
| 52   | Hộp inox  | Chất liệu inox, có nắp, kích thước 10 x 22cm  | Cái         | 10       |
| 53   | Găng tay khám các cỡ                            | Găng Latex tự nhiên có phủ bột bắp, nhám đầu ngón tay. Chiều dài: Tất cả các kích thước trung bình 240mm; Chiều rộng: cỡ XS (70mm $\pm$ 10); S (80mm $\pm$ 10); M (95mm $\pm$ 10); L (111mm $\pm$ 10); XL (120mm $\pm$ 10) Độ dày ngón tay tối thiểu 0,08mm, độ dày lòng bàn tay tối thiểu 0,08mm, độ giãn dài trước già hoá (650%) và độ giãn dài sau già hoá tối thiểu (500%); Hàm lượng bột tối đa 10mg/dm <sup>2</sup> . AQL: 2.5.  | Đôi         | 2.400    |
| 54   | Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0 | Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 2/0 dài 75cm, kim tròn 26 mm, 1/2C. Làm từ nguyên liệu: Polyglycolide (90%) - co-lactide (10%). Chỉ được bao phủ bởi lớp calcium stearate và polyglactin 370. Kim làm bằng công nghệ OriPass độ bền kéo 2700mPA, độ cứng bề mặt hơn 600VPN. Kim được khắc bằng hóa chất để đảm bảo hiệu suất kim ổn định. Kim có rãnh bên trong và bên ngoài thân kim để giúp cố định kim kẹp. Thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; CE Design Examination | Sợi         | 36       |
| 55   | Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0 | Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 3/0 dài 75, kim tròn 26 mm, 1/2C. Làm từ nguyên liệu: Polyglycolide (90%) - co-lactide (10%). Chỉ được bao phủ bởi lớp calcium stearate và polyglactin 370. Kim làm bằng công nghệ OriPass độ bền kéo 2700mPA, độ cứng bề mặt hơn 600VPN. Kim được khắc bằng hóa chất để đảm bảo hiệu suất kim ổn định. Kim có rãnh bên trong và bên ngoài thân kim để giúp cố định kim kẹp. Thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; CE Design Examination   | Sợi         | 24       |
| 56   | Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4/0 | Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 4/0 dài 75, kim tròn 17 mm, 1/2C. Làm từ nguyên liệu: Polyglycolide (90%) - co-lactide (10%). Chỉ được bao phủ bởi lớp calcium stearate và polyglactin 370. Kim làm bằng công nghệ OriPass độ bền kéo 2700mPA, độ cứng bề mặt hơn 600VPN. Kim được khắc bằng hóa chất để đảm bảo hiệu suất kim ổn định. Kim có rãnh bên trong và bên ngoài thân kim để giúp cố định kim kẹp. Thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; CE Design Examination   | Sợi         | 24       |
| <b>Phần 2. Vật tư y tế sử dụng trong X-quang</b> |   |   |             |          |
| 1  | Phim X-quang khô lase 20x25cm                   | Phim khô laser cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, hộp 150 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3.   | Tờ          | 7.500    |
| 2  | Phim X-quang khô lase 25x30cm                   | Phim khô laser cỡ 25x30 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, hộp 150 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3.   | Tờ          | 6.000    |
| <b>Tổng 1+2: 58 loại</b>                         |   |   |             |          |